

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

Căn cứ Quyết định số 5317/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên từng lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có thế mạnh của tỉnh, đáp ứng các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan. Căn cứ vào thực trạng, nhu cầu thực tế của người sản xuất, đầu ra sản phẩm của từng lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trong từng giai đoạn để xây dựng lộ trình phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ phù hợp trên địa bàn tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hình thành, mở rộng diện tích canh tác được chứng nhận hữu cơ trên một số đối tượng như: Lúa, điều, cây ăn quả, rau củ quả các loại, mía, mỳ, măng tây, nha đam, cây dược liệu, bò, dê, cừu, heo bản địa, các loại gia cầm, tôm, cá, nhuyễn thể và rong biển các loại,....

- Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông lâm thủy sản hữu cơ, tập trung các sản phẩm có trong danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh thông qua tăng số lượng, chất lượng nông lâm thủy sản sản xuất theo quy chuẩn, truy xuất nguồn gốc.

- Phát triển, nâng cấp các cơ sở sản xuất nông nghiệp được cấp giấy chứng nhận VietGAP, VietGAHP, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm hướng đến nông nghiệp hữu cơ.

- Tạo cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các chuỗi hàng hóa nông lâm thủy sản hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

c) Một số chỉ tiêu:

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,3-1,5% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp của tỉnh vào năm 2025 và khoảng 2,0-2,5% vào năm 2030.

- Diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng 1,0% tổng diện tích đất trồng trọt vào năm 2025 và khoảng 1,5-2,0% vào năm 2030, với các cây trồng sau: Lúa, bắp, điều, măng tây, nha đam, cây ăn quả, rau củ quả các loại,...

- Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 1,0-1,5% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất của tỉnh vào năm 2025 và khoảng 2,0-2,5% vào năm 2030. Các sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận hữu cơ theo tiềm năng thế mạnh được ưu tiên: Thịt bò, dê, cừu, heo bản địa, các loại gia cầm, sản phẩm yếm sào,...

- Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 0,5-1,0% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản vào năm 2025 và khoảng 1,5-2,0% vào năm 2030, trong đó bao gồm các loài thủy sản có giá trị kinh tế như: Tôm, cá, nhuyễn thể và rong biển các loại,...

- Diện tích sản xuất muối dinh dưỡng hữu cơ đạt khoảng 5,0-7,0% tổng diện tích sản xuất muối dinh dưỡng vào năm 2025 và khoảng 8,0-10,0% vào năm 2030.

- Đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 90-95%, đối với hình thức thâm canh (*sử dụng môi trường rừng để sản xuất*) tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 75-80%.

- Nâng cao hiệu quả của sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ dự kiến cao gấp 1,3-1,5 lần so với sản xuất phi hữu cơ vào năm 2025 và gấp 1,5-1,8 lần vào năm 2030.

2. Yêu cầu

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu phát triển và điều kiện tự nhiên đáp ứng yêu cầu về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, làm căn cứ xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm theo quy định.

- Từng bước phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với chuỗi giá trị, chuỗi liên kết cung cầu.

II. NHIỆM VỤ

1. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các sản phẩm hữu cơ chủ lực

- Ưu tiên triển khai tại các vùng có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi cho

tùng loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản để sản xuất hữu cơ; lựa chọn các đối tượng thích ứng tốt với điều kiện thổ nhưỡng, chống chịu sâu bệnh và có thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ;

- Hình thành vùng sản xuất các sản phẩm bản địa, đặc trưng có tiềm năng để xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm để đầu tư sản xuất hữu cơ.

a) Trồng trọt hữu cơ:

Xác định được các vùng sản xuất hữu cơ phù hợp với các sản phẩm chủ lực như: Các loại cây ăn quả (*nho, táo, ...*), dưa lưới, măng tây xanh, nha đam, rau củ quả các loại,... để có kế hoạch chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ, dự kiến giai đoạn 2023-2025 khoảng 5.010 ha và định hướng đến năm 2030 khoảng 5.737 ha, cụ thể như sau:

- Sản xuất lúa hữu cơ: Diện tích gieo trồng khoảng 200 ha năm 2025 và khoảng 430 ha năm 2030; tập trung tại huyện: Bác Ái, Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Bắc, Thuận Nam và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Sản xuất bắp hữu cơ: Diện tích gieo trồng khoảng 35 ha năm 2025 và khoảng 80 ha năm 2030; tập trung tại huyện: Bác Ái và Thuận Bắc.

- Sản xuất nha đam hữu cơ: Diện tích gieo trồng khoảng 125 ha năm 2025 và khoảng 160 ha năm 2030; tập trung tại huyện Thuận Bắc và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Sản xuất măng tây hữu cơ: Diện tích gieo trồng khoảng 62 ha năm 2025 và khoảng 100 ha năm 2030; tập trung tại huyện: Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Vùng cây ăn quả các loại hữu cơ: Diện tích trồng đạt khoảng 276 ha năm 2025 và khoảng 390 ha năm 2030. Tập trung tại huyện: Bác Ái, Ninh Hải, Ninh Sơn, Ninh Phước, Thuận Bắc, Thuận Nam và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Sản xuất điều hữu cơ: Diện tích trồng (*lũy kế*) đến năm 2025 đạt khoảng 4.302 ha, năm 2030 đạt khoảng 4.557 ha; tập trung tại huyện: Bác Ái, Ninh Sơn và Thuận Bắc.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

b) Chăn nuôi hữu cơ:

Xây dựng các vùng chăn nuôi hữu cơ với các sản phẩm chủ lực như: Thịt dê, bò, cừu, heo bản địa, các loại gia cầm,...; riêng vùng chăn nuôi bò, dê, cừu hữu cơ gắn với đồng cỏ, vùng trồng trọt sản xuất thức ăn thô xanh hữu cơ. Giai đoạn từ năm 2023-2025 phát triển khoảng 17.435 con, định hướng đến năm 2030 khoảng 25.160 con, cụ thể:

- Chăn nuôi bò hữu cơ: Đàn bò đến năm 2025 đạt khoảng 4.590 con và đến năm 2030 đạt khoảng 6.160 con; tập trung tại huyện: Bác Ái, Ninh Sơn, Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Bắc, Thuận Nam.

- Chăn nuôi dê hữu cơ: Đàn dê đến năm 2025 đạt khoảng 4.625 con và đến năm 2030 đạt khoảng 5.900 con; tập trung tại huyện: Bác Ái, Ninh Sơn, Ninh Hải,

Ninh Phước, Thuận Bắc, Thuận Nam.

- Chăn nuôi cừ hữu cơ: Đàn cừu đến năm 2025 đạt khoảng 6.170 con và đến năm 2030 đạt khoảng 9.200 con; tập trung tại huyện: Bác Ái, Ninh Sơn, Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam.

- Chăn nuôi heo bản địa hữu cơ: Đàn heo bản địa đến năm 2025 đạt khoảng 550 con và đến năm 2030 đạt khoảng 900 con; tập trung tại huyện Bác Ái, Ninh Sơn, Thuận Bắc.

- Chăn nuôi gà hữu cơ: Đàn gà đạt khoảng 1.500 con năm 2025 và khoảng 3.000 con năm 2030 tại huyện Bác Ái.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

c) Nuôi trồng thủy sản hữu cơ:

Xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ với các sản phẩm chủ lực như tôm, cá, nhuyễn thể và rong biển các loại,... Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ gắn với thị trường trong nước, xuất khẩu. Vùng nuôi trồng thủy sản hữu cơ tập trung với diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản hữu cơ giai đoạn 2023-2025 đạt khoảng 25,3 ha, định hướng đến năm 2030 đạt khoảng 38 ha; tập trung tại huyện Bác Ái, Ninh Hải và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

d) Vùng sản xuất muối dinh dưỡng hữu cơ:

Vùng sản xuất muối dinh dưỡng hữu cơ đạt khoảng 60 ha vào năm 2025 và 80 ha vào năm 2030 tại huyện Ninh Hải.

đ) Vùng sản xuất, khai thác sản phẩm từ tự nhiên:

- Đối với sản xuất trồng trọt các sản phẩm dược liệu: Tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 75-80% vào năm 2025 và khoảng 85% vào năm 2030.

- Khai thác đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên: Tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 90-95% vào năm 2025 và 95-98% vào năm 2030.

2. Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất sản phẩm hữu cơ

Phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, quy mô lớn, liên kết với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác,... để sản xuất và bao tiêu sản phẩm cho nông dân, chú trọng đến các sản phẩm đặc thù của từng địa phương, sản phẩm mang tính truyền thống, khai thác từ tự nhiên.

3. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thay thế kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nông nghiệp; đánh giá thực trạng độ phì nhiêu của đất, nhu

cầu dinh dưỡng cho các cây trồng chủ lực phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững.

- Bảo tồn, phục tráng, khai thác, phát triển và xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể cho các giống cây trồng, vật nuôi bản địa, có lợi thế so sánh và giá trị kinh tế cao.

- Nghiên cứu chọn tạo các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, kháng sâu bệnh, phù hợp với sản xuất hữu cơ; nghiên cứu, phát triển và sử dụng con giống, vật tư đầu vào hữu cơ trong nuôi trồng thủy sản; xây dựng các mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp hữu cơ để từng bước nhân rộng mô hình.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

4. Đào tạo, tập huấn phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ, công chức các cấp làm công tác quản lý, kiểm tra giám sát các tổ chức chứng nhận và sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ.

- Tăng cường giáo dục về nông nghiệp hữu cơ cho học sinh phổ thông và sinh viên các trường dạy nghề, Phân hiệu Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại Ninh Thuận trong lĩnh vực nông lâm thủy sản.

5. Tăng cường chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm hữu cơ

- Ưu tiên chế biến các sản phẩm hữu cơ bao gồm các món ăn, các loại thực phẩm, đồ uống, thuốc dược liệu, mỹ phẩm,... để nâng cao giá trị gia tăng.

- Xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp hữu cơ từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao để chế biến sâu, tinh chế tạo ra sản phẩm nông nghiệp hữu cơ có giá trị cao của tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và phát triển thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của tỉnh.

III. GIẢI PHÁP

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, truyền thông về nông nghiệp hữu cơ đồng bộ, toàn diện bằng nhiều hình thức, vận dụng nhiều phương pháp của tất cả các cấp, ngành, địa phương nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ.

- Thông tin sâu, rộng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, người sản xuất, người tiêu dùng về kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm quan trọng của việc sản xuất để tạo ra các sản phẩm hữu cơ.

- Tuyên truyền, hướng dẫn để thực thi các chính sách, pháp luật liên quan về nông nghiệp hữu cơ, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận

nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ.

2. Quy hoạch, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung

- Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, các địa phương căn cứ vào điều kiện đất đai, thổ nhưỡng để lựa chọn đối tượng cây trồng, vật nuôi phù hợp, có tiềm năng thị trường để định hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung, chuyên canh. Đồng thời kêu gọi các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng các dự án, chương trình, mô hình theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất hữu cơ tập trung. Ưu tiên kết hợp với du lịch, nông nghiệp sinh thái; trên cơ sở đó, hoàn thiện các quy trình kỹ thuật và tập huấn, chuyển giao.

- Sử dụng vật liệu sẵn có, tái sử dụng, khép kín chu trình trong khu vực sản xuất tạo tiền đề cho sự phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định và phát triển kinh tế tuần hoàn.

3. Xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hữu cơ

- Xây dựng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác với người dân trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm hữu cơ tại các vùng sản xuất tập trung tạo ra hàng hóa quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Khuyến khích các hình thức sản xuất theo quy mô hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác để sản xuất các sản phẩm mang tính đặc sản của địa phương; ưu tiên các sản phẩm khai thác từ tự nhiên và mang tính truyền thống.

- Đẩy mạnh phong trào xây dựng vườn, ao, chuồng hữu cơ gắn với thu gom phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón hữu cơ; xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp ở các xã nông thôn mới.

4. Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học - công nghệ, quy trình canh tác hữu cơ

- Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình canh tác ứng dụng công nghệ cao kết hợp với sản xuất hữu cơ, gắn với chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào và giảm phát thải khí nhà kính.

- Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ dịch hại tổng hợp sinh học trong trồng trọt; thay thế các loại kháng sinh, chất cấm trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; tăng cường sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nông nghiệp;... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nghiên cứu và phát triển đa dạng các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng, có giá trị cao, đảm bảo tính cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Liên kết với các Viện, Trường để nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, phù hợp với sản xuất hữu cơ; nghiên cứu, phát triển và sử dụng con giống, vật tư đầu vào hữu cơ trong nuôi

trồng thủy sản.

- Triển khai thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với chuỗi giá trị một số sản phẩm chủ lực, đặc thù và có lợi thế của các địa phương; mô hình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ.

5. Phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp, người sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ; bồi dưỡng kỹ năng quản lý cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ của các doanh nghiệp, hợp tác xã; đẩy mạnh đào tạo nghề và chuyển giao khoa học công nghệ cho đội ngũ người lao động để áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ các cán bộ, công chức các cấp làm công tác quản lý, kiểm tra giám sát các doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh dịch vụ sản phẩm hữu cơ.

- Tập trung đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ ngành nông, lâm, thủy sản.

- Chú trọng liên kết, hợp tác với các Viện, Trường đại học; gắn kết với các tỉnh, thành phố có điều kiện phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong việc nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là đào tạo chuyên gia về lĩnh vực công nghệ sinh học và chế biến nông, lâm, thủy sản.

- Tổ chức cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý, kiểm tra giám sát và cán bộ, viên chức làm công tác chuyển giao khoa học công nghệ tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tiên tiến tại các tỉnh, thành phố trong nước hoặc nước ngoài có nền sản xuất nông nghiệp hữu cơ phát triển.

6. Tăng cường chế biến và tiêu thụ nông lâm thủy sản hàng hóa

- Xây dựng mô hình liên kết hình thành chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp hữu cơ từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; ứng dụng công nghệ cao để chế biến sâu, chế biến tinh, tạo ra sản phẩm có giá trị đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đưa các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ vào hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện ích và chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn.

- Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, xây dựng và tổ chức mạng lưới thông tin đáp ứng yêu cầu thông tin thương mại nông lâm thủy sản; giới thiệu quảng bá sản phẩm thông qua hội chợ, triển lãm trong nước và khu vực.

- Tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý để thực hiện tốt việc truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu hàng hóa chủ lực của tỉnh.

7. Tăng cường quản lý nhà nước về nông nghiệp hữu cơ

- Tăng cường thực hiện việc kiểm tra giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm hữu cơ và chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định để đảm bảo chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn đã được chứng nhận

khi lưu thông trên thị trường.

- Quản lý chặt chẽ đầu vào sản xuất hữu cơ: Quản lý giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; quản lý các vật tư đầu vào sản xuất (*phân bón, thức ăn, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất bảo quản, chất phụ gia,...*); quản lý nguồn nước (*nước tưới cho cây trồng, nước dùng cho vật nuôi, nuôi trồng thủy sản,...*); quản lý các quy trình canh tác cây trồng hữu cơ, quy trình chăm sóc vật nuôi và thủy sản hữu cơ.

- Quản lý tốt chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ: Yêu cầu các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ lưu thông trên thị trường phải được chứng nhận và có nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc, lôgô sản phẩm tương ứng với tiêu chuẩn đã được chứng nhận.

8. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ và hợp tác quốc tế

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của nhà nước về phát triển nông nghiệp hữu cơ. Các dự án của các doanh nghiệp đạt tiêu chí nông nghiệp hữu cơ theo quy định sẽ được ưu tiên hưởng các chính sách theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các quy định có liên quan khác của nhà nước; Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về Ban hành quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và các quy định hiện hành có liên quan.

- Tiếp tục nghiên cứu để xây dựng các chính sách mới, nhất là việc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đầu tư trong lĩnh vực này.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ về kinh phí, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình canh tác, liên kết tiêu thụ nông lâm thủy sản,... nhằm tạo thêm nguồn lực phát triển nông nghiệp hữu cơ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn kinh phí thực hiện

- Vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Vốn ngân sách thông qua việc hỗ trợ xây dựng các đề án, dự án, tư vấn kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của các bộ ngành và lồng ghép từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế-xã hội, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông, các dự án ODA và chương trình khoa học và công nghệ khác có liên quan.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của đề án áp dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hàng năm các Sở, ban, ngành của tỉnh xây dựng dự toán kinh phí để thực hiện, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách năm, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí để thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh đúng quy định.

- Tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách cần thiết liên quan đến nông nghiệp hữu cơ; xây dựng các mô hình thí điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh áp dụng các quy trình kỹ thuật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn nông nghiệp hữu cơ vào sản xuất nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, quản lý nhà nước lĩnh vực ngành phụ trách và định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định

2. Sở Y tế

- Nghiên cứu và ứng dụng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng dinh dưỡng cao và giá trị sinh học đặc thù đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

- Thực hiện quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh dược liệu, mỹ phẩm và thực phẩm hữu cơ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các sản phẩm dược hữu cơ lưu thông trên thị trường theo định kỳ quy định.

- Nghiên cứu khảo sát phát triển các sản phẩm y học cổ truyền, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ các nguyên liệu dược liệu hữu cơ.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công tác quy

hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các thủ tục giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,...; hướng dẫn thực hiện sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học gắn với việc phát triển vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất các biện pháp thúc đẩy tái sử dụng chất thải, phế phụ phẩm hữu cơ trở thành nguyên liệu sản xuất phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

4. Sở Công Thương

- Xây dựng, hướng dẫn và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án khuyến công có liên quan đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tham mưu thực hiện các giải pháp về khoa học - công nghệ, máy móc, thiết bị, dịch vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ

- Chủ trì nghiên cứu các giải pháp phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; xúc tiến thương mại tiêu thụ và quảng bá thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh xây dựng các điểm bán hàng nông nghiệp hữu cơ, tạo điều kiện cho người tiêu dùng tiếp cận nguồn thực phẩm an toàn, đảm bảo chất lượng.

- Thực hiện quản lý nhà nước, quản lý thị trường đối với kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ lưu thông trên thị trường.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu, trình Hội đồng khoa học tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có liên quan đến phát triển nông nghiệp hữu cơ từ nguồn ngân sách nhà nước, ứng dụng và nhân rộng kết quả đề tài, dự án nghiên cứu có hiệu quả vào sản xuất.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao khoa học công nghệ và đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về công nghệ, thiết bị ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ, hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, quản lý nhà nước về Sở hữu trí tuệ.

6. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nội dung Kế hoạch theo

khả năng cân đối của ngân sách địa phương, theo quy định của luật ngân sách và các quy định hiện hành khác có liên quan.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu bố trí vốn thực hiện các chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, lồng ghép các nguồn vốn cho phát triển nông nghiệp hữu cơ theo quy định; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ.

- Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; bố trí nguồn lực thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; tín dụng trong nông nghiệp.

8. Sở Thông tin và truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành liên quan và địa phương tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về phát triển nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xác định lĩnh vực chủ lực, sản phẩm lợi thế của địa phương trong sản xuất hữu cơ; rà soát quỹ đất thực hiện phân vùng trong việc xây dựng Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp hữu cơ; chủ trì phối hợp các Sở, ngành thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ theo phân cấp ngân sách.

- Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch sản xuất nông nghiệp hữu cơ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các địa phương xây dựng kế hoạch triển khai sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn để thực hiện.

- Xây dựng các mô hình áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, nhân rộng vào sản xuất, tạo ra các sản phẩm sạch, an toàn; hình thành các chuỗi liên kết sản xuất nâng cao giá trị sản phẩm.

- Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ; thực hiện các thủ tục giải phóng mặt bằng, giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... Thực hiện sử dụng, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai và tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học gắn với việc phát triển vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội nông dân và các thành viên tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, vận động, hỗ trợ nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, quy trình công nghệ mới vào sản xuất; phát động các phòng trào thi đua, khuyến khích phát triển, nhân rộng điển hình tiên tiến

trong quản lý, tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong phát triển nông nghiệp hữu cơ.

11. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng chuyên mục về nông nghiệp hữu cơ để tuyên truyền phổ biến trên địa bàn tỉnh. Tăng thời lượng, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về nông nghiệp hữu cơ; kịp thời tuyên truyền để biểu dương những cá nhân, tổ chức điển hình trong việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

12. Về chế độ báo cáo

Các Sở, ban ngành và địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ chủ động triển khai các nội dung của Kế hoạch đảm bảo hiệu quả. Định kỳ **trước ngày 10/11 hàng năm**, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trong năm và đề xuất kế hoạch thực hiện năm tiếp theo, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương tại mục V;
- VPUB: LĐ, VXNV, KTTH;
- Lưu: VT. HC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

Phụ lục I
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

STT	Thời gian/ Đối tượng	ĐVT	Tổng số	Phân theo huyện, thành phố						
				Phan Rang - Tháp Chàm	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
I	Giai đoạn 2023-2025	ha	5.010	257	1.330	1.536	70	85	1.572	160
1	Lúa	ha	200	20	20	-	50	50	30	30
2	Bắp	ha	35	-	20	-	-	-	15	-
3	Nha đam	ha	125	120	-	-	-	-	5	-
4	Măng tây	ha	62	7	-	-	5	20	-	30
5	Rau, đậu	ha	10	-	10	-	-	-	-	-
6	Cây ăn quả	ha	276	110	15	16	15	15	5	100
7	Điều (*)	ha	4.302	-	1.265	1.520	-	-	1.517	-
II	Định hướng đến năm 2030	ha	5.737	300	1.670	1.540	140	160	1.627	300
1	Lúa	ha	430	20	50	-	100	100	60	100
2	Bắp	ha	80	-	50	-	-	-	30	-
3	Nha đam	ha	160	150	-	-	-	-	10	-
4	Măng tây	ha	100	10	-	-	10	30	-	50
5	Rau, đậu	ha	20	-	20	-	-	-	-	-
6	Cây ăn quả	ha	390	120	30	20	30	30	10	150
7	Điều (*)	ha	4.557		1.520	1.520			1.517	

(*): Tiếp tục duy trì diện tích cây Điều năm 2025 và phát triển mới đến năm 2030.

Phụ lục II
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ
LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

STT	Thời gian/ Đối tượng	ĐVT	Tổng số	Phân theo huyện, thành phố					
				Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
I	Giai đoạn 2023-2025		17.435	2.550	2.040	1.100	650	430	10.665
1	Bò	Con	4.590	400	990	200	300	180	2.520
2	Dê	Con	4.625	100	395	500	150	150	3.330
3	Cừu	Con	6.170	300	455	400	200	-	4.815
4	Heo bản địa	Con	550	250	200	-	-	100	-
5	Gà	Con	1.500	1.500	-	-	-	-	-
II	Định hướng đến năm 2030		25.160	5.100	2.100	2.200	1.000	860	13.900
1	Bò	Con	6.160	800	1.000	400	400	360	3.200
2	Dê	Con	5.900	200	400	1000	300	300	3.700
3	Cừu	Con	9.200	600	500	800	300	-	7.000
4	Heo bản địa	Con	900	500	200	-	-	200	-
5	Gà	Con	3.000	3.000	-	-	-	-	-

**Phụ lục III
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ
LĨNH VỰC THỦY SẢN**

STT	Thời gian/ Đối tượng	ĐVT	Tổng số	Phân theo huyện, thành phố		
				Phan Rang - Tháp Chàm	Bác Ái	Ninh Hải
I	Giai đoạn 2023-2025	ha	25,3	9	1,3	15
1	Tôm	ha	19	9	-	10
2	Cá	ha	6,3	-	1,3	5
II	Định hướng đến năm 2030	ha	38	5	3	30
1	Tôm	ha	25	5	-	20
2	Cá	ha	13	-	3	10

Phụ lục IV
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỦA KẾ HOẠCH

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện - hoàn thành
1	Triển khai thực hiện Kế hoạch				
1.1	Tham mưu ban hành Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (Kế hoạch)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các đơn vị có liên quan	Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch	Tháng 9/2023
1.2	Triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, tham mưu xử lý kịp thời các nội dung phát sinh (nếu có)	Các đơn vị có liên quan	Các đơn vị có liên quan	Các văn bản đôn đốc, các báo cáo nội dung phát sinh và tham mưu xử lý	Năm 2023-2030
1.3	Tổ chức hội nghị sơ kết thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các đơn vị có liên quan, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội	Báo cáo kết quả và đề xuất kiến nghị	Quý IV/2025
1.4	Tổ chức hội nghị Tổng kết thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các đơn vị có liên quan, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội	Báo cáo kết quả và đề xuất kiến nghị	Quý IV/2030
2	Quy hoạch khu vực sản xuất hữu cơ, các sản phẩm sản xuất nông nghiệp hữu cơ, lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án khác có liên quan				

2.1	Quy hoạch và xây dựng các khu vực sản xuất tập trung và các loại sản phẩm chủ lực sản xuất hữu cơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố	Các khu vực sản xuất tập trung được quy hoạch và sản phẩm chủ lực sản xuất hữu cơ	Năm 2023-2030
2.2	Lồng ghép các chương trình, đề án thuộc các chuyên ngành với các chương trình mục tiêu quốc gia, quy hoạch phát triển ngành quốc gia, chiến lược, đề án phát triển và kế hoạch cơ cấu lại ngành trồng trọt giai đoạn 2020-2030 và các năm tiếp theo để phát triển hữu cơ, bao gồm: lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, chương trình phát triển đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thành phố	Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm	Quý I hàng năm
3	Đề xuất và xây dựng các cơ chế, chính sách cần thiết liên quan đến nông nghiệp hữu cơ				
	Tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ngành và địa phương liên quan.	Chính sách ban hành	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT
4	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh				
4.1	Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật theo hướng ứng dụng công nghệ cao sản xuất hữu cơ gắn với chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào, giảm phát thải nhà kính	Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu đề xuất Hội đồng khoa học tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét	Sở Nông nghiệp và PTNT và địa phương liên quan	Kết quả nghiên cứu	Giai đoạn 2023-2025
4.2	Nghiên cứu ứng dụng các chế phẩm sinh học, phân hữu cơ sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học và các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nông nghiệp		Sở Nông nghiệp và PTNT và địa phương liên quan	Kết quả nghiên cứu	Giai đoạn 2023-2025
4.3	Nghiên cứu, đánh giá thực trạng đất trồng trọt hữu cơ, đánh giá giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ bền vững cho các cây trồng sản xuất nông nghiệp hữu cơ		Sở Nông nghiệp và PTNT và địa phương liên quan	Kết quả nghiên cứu	Giai đoạn 2023-2025
4.4	Nghiên cứu đánh giá thực trạng chuyển đổi chăn nuôi		Sở Nông nghiệp	Kết quả nghiên cứu	Giai đoạn 2023-

	(bò, dê, cừu) từ sản xuất thông thường sang sản xuất hữu cơ		và PTNT và địa phương liên quan		2025
4.5	Triển khai các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, dược liệu và muối) và mô hình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ngành và địa phương liên quan	Báo cáo kết quả	Giai đoạn 2023-2025
5	Bồi dưỡng, tập huấn, phát triển nguồn nhân lực				
	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực hàng năm về sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho các tổ chức, HTX, tổ hợp tác, nông dân	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ngành và địa phương liên quan	Kết quả đào tạo	Giai đoạn 2023-2025
6	Tổ chức sản xuất nông nghiệp hữu cơ				
	Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (trồng trọt, dược liệu, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và muối)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ngành và địa phương, doanh nghiệp, người sản xuất có liên quan	Các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ	Giai đoạn 2023-2030
7	Tổ chức chứng nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ				
	Hỗ trợ, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ phù hợp tiêu chuẩn cho các tổ chức, cơ sở, hộ cá nhân sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ngành, cơ quan và địa phương liên quan	Chứng nhận sản xuất sản phẩm hữu cơ	Giai đoạn 2023-2030
8	Quản lý đầu vào của sản xuất hữu cơ				
8.1	Hướng dẫn, kiểm tra và quản lý giống, thức ăn chăn nuôi và thủy sản; quy trình sản xuất, nuôi trồng hữu cơ;...	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ngành, cơ quan và địa phương liên quan	Báo cáo kết quả kiểm tra các sản phẩm đầu vào	Giai đoạn 2023-2030
8.2	Hướng dẫn, kiểm tra và quản lý: Phân hữu cơ sinh học, các chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học,... cho sản xuất trồng trọt hữu cơ; thuốc thú y sinh học, chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học,... cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản hữu cơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở ngành, cơ quan và địa phương liên quan	Báo cáo kết quả kiểm tra các sản phẩm đầu vào	Giai đoạn 2023-2030